

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2024/NĐ-CP NGÀY 08/10/2024 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2024/NĐ-CP NGÀY 08/10/2024 CỦA CHÍNH PHỦ**

**1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                              | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội                                            | 30 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị, tổ chức do Chủ tịch UBND tỉnh phân công nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp                                                        | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không có             | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội |
| 2   | Thủ tục thành lập hội                                                                   | 60 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp                                                                                  |                                        | Không có             |                                                                                                         |
| 3   | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội | 45 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường); 15 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập) kể từ ngày UBND tỉnh nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp |                                        | Không có             |                                                                                                         |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                            | Thời hạn giải quyết                                                             | Địa điểm thực hiện                     | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4   | Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội | 60 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh | Không có             | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội |
| 5   | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội                                        | 60 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp |                                        | Không có             |                                                                                                         |
| 6   | Thủ tục hội tự giải thể                                                           | 45 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp |                                        | Không có             |                                                                                                         |
| 7   | Thủ tục cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện                        | 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp |                                        | Không có             |                                                                                                         |
| 8   | Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn            | 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND tỉnh (Sở Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp |                                        | Không có             |                                                                                                         |

## 2. Thủ tục hành chính cấp huyện

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                   | Địa điểm thực hiện                                  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội                                            | 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp                                                                                              | Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện | Không có             | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội |
| 2   | Thủ tục thành lập hội                                                                   | 60 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện (phòng Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp                                                                               |                                                     | Không có             |                                                                                                         |
| 3   | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội | 45 ngày làm việc (đối với đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường); 15 ngày làm việc (đối với đại hội thành lập) kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp |                                                     | Không có             |                                                                                                         |
| 4   | Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội       | 60 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp                                                                                              |                                                     | Không có             |                                                                                                         |
| 5   | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội                                              | 60 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp                                                                                              |                                                     | Không có             |                                                                                                         |
| 6   | Thủ tục hội tự giải thể                                                                 | 45 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp                                                                                              |                                                     | Không có             |                                                                                                         |
| 7   | Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn                  | 30 ngày làm việc kể từ ngày UBND cấp huyện (Phòng Nội vụ) nhận hồ sơ đầy đủ và hợp pháp                                                                               |                                                     | Không có             |                                                                                                         |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

### 1. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

| STT                                                                                                                            | Số hồ sơ thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                                               | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| <b>Lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội</b> (đã được công bố tại Quyết định số 2688/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh) |                             |                                                                      |                                                           |
| 1                                                                                                                              | 2.001481                    | Thủ tục thành lập hội                                                | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 2                                                                                                                              | 2.001688                    | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội                           | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 3                                                                                                                              | 2.001678                    | Thủ tục đổi tên hội                                                  | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 4                                                                                                                              | 1.003918                    | Thủ tục hội tự giải thể                                              | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 5                                                                                                                              | 1.003900                    | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 6                                                                                                                              | 1.003960                    | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội                                        | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 7                                                                                                                              | 1.003858                    | Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện                          | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |

### 2. Thủ tục hành chính cấp huyện

| STT                                                                                                                          | Số hồ sơ thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính                     | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính        |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| <b>Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ</b> (đã được công bố tại Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh) |                             |                                            |                                                           |
| 1                                                                                                                            | 1.003827                    | Thủ tục thành lập hội                      | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 2                                                                                                                            | 1.003783                    | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 3                                                                                                                            | 1.003757                    | Thủ tục đổi tên hội                        | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 4                                                                                                                            | 1.003732                    | Thủ tục hội tự giải thể                    | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |
| 5                                                                                                                            | 1.003807                    | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội              | Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ |